MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: *7/4/2022*

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,502.35	441.61
% Thay đổi	-1.35%	-1.17%
KLGD (CP)	795,134,470	93,767,585
GTGD (tỷ đồng)	27,145.11	3,169.54
Tổng cung (CP)	1,617,096,400	132,248,000
Tổng cầu (CP)	1,559,073,800	116,275,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	54,963,030	729,881
KL mua (CP)	28,809,230	397,900
GT mua (tỷ đồng)	1,807.49	15.96
GT bán (tỷ đồng)	2,339.96	25.22
GT ròng (tỷ đồng)	(532.48)	(9.26)

Tương quan cung cầu HOSE

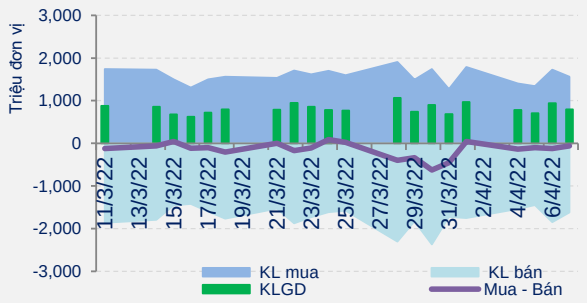

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

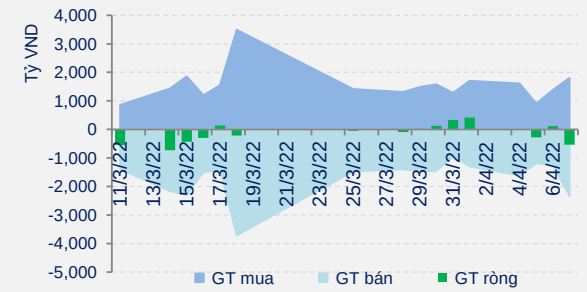

Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	0.14%	24.9	4.3	2.8%
Công nghiệp	-2.21%	24.1	3.3	15.4%
Dầu khí	0.56%	18.9	2.1	2.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	-2.20%	-	21.0	7.8%
Dược phẩm và Y tế	-1.13%	16.5	2.6	0.5%
Hàng Tiêu dùng	-1.74%	19.8	3.7	10.0%
Ngân hàng	-0.83%	12.6	2.4	14.9%
Nguyên vật liệu	-0.96%	10.8	2.6	13.7%
Tài chính	-1.81%	22.1	3.2	29.1%
Tiện ích Cộng đồng	-0.49%	18.3	2.8	2.8%
VN - Index	-1.35%	17.9	3.9	
HNX - Index	-1.17%	21.9	3.7	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Những tưởng sau phiên hồi phục khá ấn tượng hôm qua thì thị trường có thể khởi sắc trong phiên hôm nay. Nhưng diễn biến trong phiên hôm nay đã làm thất vọng các nhà đầu tư trong nước khi thị trường chỉ có thể duy trì sắc xanh vào đầu phiên. Sau đó, áp lực bán gia tăng khiến các chỉ số đảo chiều và lực bán gia tăng trong phiên ATC khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Cụ thể, VN-Index giảm 20,55 điểm (-1,35%) xuống 1.502,35 điểm. Độ rộng thị trường nghiên hẳn về tiêu cực với chỉ 89 mã tăng (4 mã tăng trần), 42 mã tham chiếu, 372 mã giảm (14 mã giảm sàn). Cổ phiếu bất động sản tiếp tục bị bán mạnh và kết phiên với nhiều mã giảm mạnh như DIG (-4,6%), NVL (-2%), DXG (-4,2%), VHM (-1,7%), CEO (-5,2%), KBC (-3,2%), VIC (-1,2%)...; thậm chí có mã còn giảm sàn như ASM (-6,9%), TIP (-7%), CIG (-6,9%)... Các cổ phiếu ngành xây dựng cùng chung cảnh ngộ với nhiều mã giảm mạnh và cả giảm sàn như LCG (-3,8%), VGC (-4,1%), SZC (-5%), VCG (-2,2%), ROS (-6,6%), FCN (-2,6%), CTD (-3,3%), PC1 (-2%), HBC (-3,5%)... Cổ phiếu ngân hàng sau khi tăng giá tốt vào đầu phiên sáng đã giảm trở lại về phiên chiều với nhiều mã giảm như VPB (-0,4%), STB (-1,4%), TPB (-0,4%), TCB (-1,2%), SHB (-3,3%), HDB (-0,3%), CTG (-0,2%)...; chỉ còn MBB (+1%), ACB (+1,2%), MSB (+0,8%)... là còn giữ được sắc xanh. Cổ phiếu chứng khoán cũng diễn biến y hệt nhóm ngân hàng khi tăng đầu phiên và giảm trở lại khi kết phiên với VND (-1,4%), SSI (-1,2%), SHS (-4%), VIX (-3,1%), HCM (-1,3%), VCI (-1,7%), MBS (-0,8%), FTS (-3%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Tâm lý nhà đầu tư có phần tiêu cực, nhất là về cuối phiên khiến áp lực bán gia tăng ngay sau đó và nhất là trong phiên ATC. Và nếu nhìn trên góc độ thanh khoản khớp lệnh thì có thể thấy là giá trị giao dịch trong phiên hôm nay đã suy giảm so với phiên tăng trước đó và chỉ số VN-Index (-1,35%) lại giảm khá mạnh cho thấy nhà đầu tư đang rất thận trọng trong việc mua vào, dẫn đến việc áp lực bán không quá mạnh cũng đủ để khiến thị trường "đỏ lửa". Rất may là các ngưỡng hỗ trợ tiềm năng của thị trường lần lượt là ngưỡng tâm lý 1.500 điểm và ngưỡng kỹ thuật 1.490 điểm (MA20-50) vẫn được giữ vững để tạo điểm tựa cho phiên tiếp theo. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 8/4, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu như vùng hỗ trợ trong khoảng 1.490-1.500 điểm được giữ vững. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước đó trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và canh chốt lời nếu thị trường tiến vào vùng kháng cự mạnh trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 7/4/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 1.524,92 điểm. Nhưng từ khoảng 10h trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ và bên bán mạnh hơn trong phiên ATC khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 20,55 điểm (-1,35%) xuống 1.502,35 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 1.600 đồng, VHM giảm 1.300 đồng, VIC giảm 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, MBB tăng 350 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 447,83 điểm. Nhưng từ khoảng 9h30 trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ và áp lực bán tiếp tục gia tăng trong phiên ATC khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, HNX-Index giảm 5,22 điểm (-1,17%) xuống 441,61 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 4.600 đồng, CEO giảm 3.200 đồng, SHS giảm 1.700 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF tăng 5.600 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 526,53 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 16,9 triệu cổ phiếu. VHM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 87,7 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 85,3 tỷ đồng tương ứng với 1,8 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NVL là mã được mua ròng nhiều nhất với 58,6 tỷ đồng tương ứng với 691,6 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 9,12 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 332 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,3 tỷ đồng tương ứng với 240 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là TNG với 5,6 tỷ đồng tương ứng với 139 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 6,7 tỷ đồng tương ứng với 92,3 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:

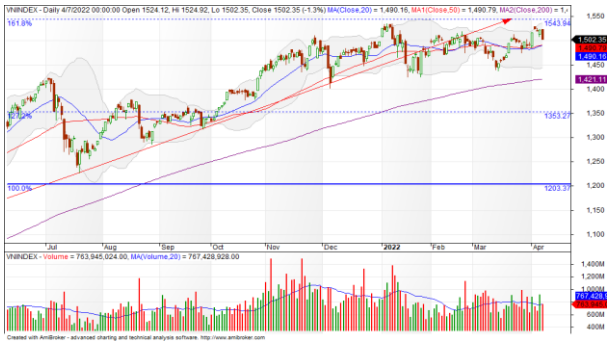

VN-Index điều chỉnh khá mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là bên bán tuy không phải thực sự mạnh nhưng bên mua tỏ ra khá yếu ớt trong phiên hôm nay nên đã không thể giữ nổi chỉ số.

Áp dụng lý thuyết sóng elliott trên biểu đồ kỹ thuật thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm khá mạnh hôm nay (-1,35%) thì xu hướng tăng của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi khi mà chỉ số này vẫn được giữ trên các ngưỡng hỗ trợ quan trọng lần lượt ngưỡng tâm lý 1.500 điểm và ngưỡng kỹ thuật 1.490 điểm (MA20-50).

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 8/4, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu như vùng hỗ trợ trong khoảng 1.490-1.500 điểm được giữ vững.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng mạnh thì chỉ số VN-Index có thể sẽ điều chỉnh về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn để tìm kiếm lực cầu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

UOB: Kinh tế quý 1/2022 ổn định, tăng trưởng GDP cả năm dự báo đạt 6,5%

Với đà tăng trưởng GDP quý 1/2022 và những khó khăn mà Việt Nam phải đối mặt trong 3 quý còn lại, Ngân hàng UOB dự báo tăng trưởng GDP cả năm 2022 của Việt Nam sẽ ở mức 6,5%, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng mà Chính phủ đặt ra…

TIN TRONG NƯỚC	
Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 68,1 - 68,7 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 7/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.105 VND/USD, tăng 5 đồng so với phiên hôm qua.
TIN QUỐC TẾ	
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 3,8 USD/ounce tương ứng với 0,2% lên 1.926,9 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,130 điểm tương ứng 0,13% lên 99,745 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,0880 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3084 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 123,75 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,1 USD/thùng tương ứng với 0,1% lên 96,33 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 6/4, Dow Jones giảm 144,67 điểm tương ứng với 0,42% lên 34.496,51 điểm. Nasdaq giảm 315,35 điểm tương đương 2,22% xuống 13.888,82 điểm. S&P 500 giảm 43,97 điểm tương đương 0,97% xuống 4.481,15 điểm.

KLGD và VN-Index trong phiên

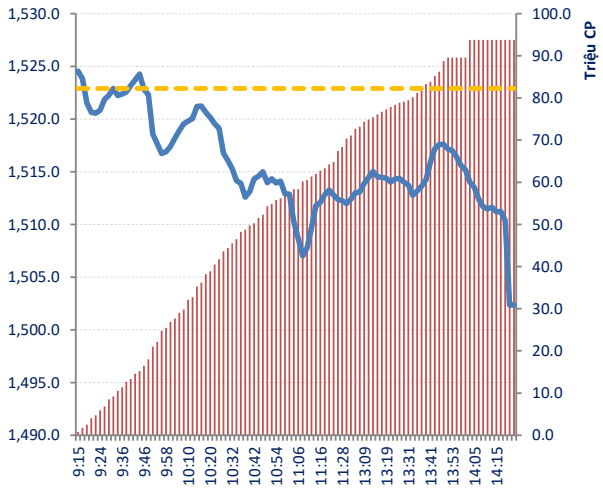

KLGD và HNX-Index trong phiên

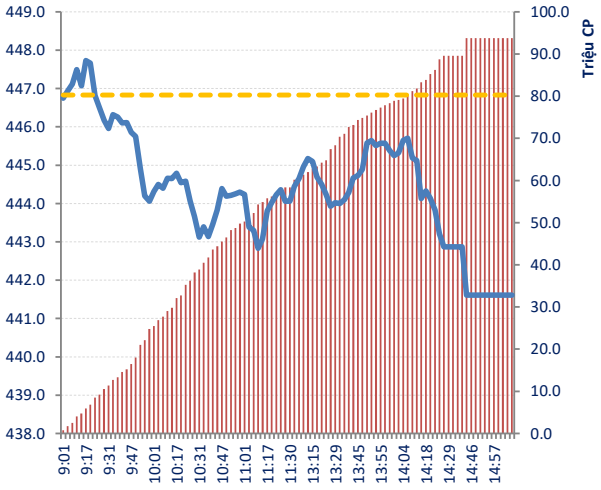

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

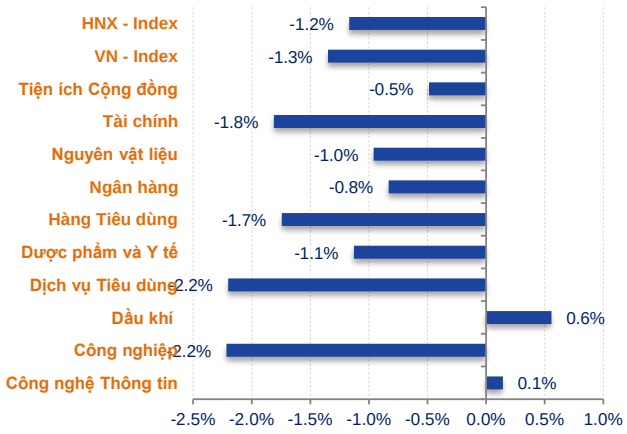

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

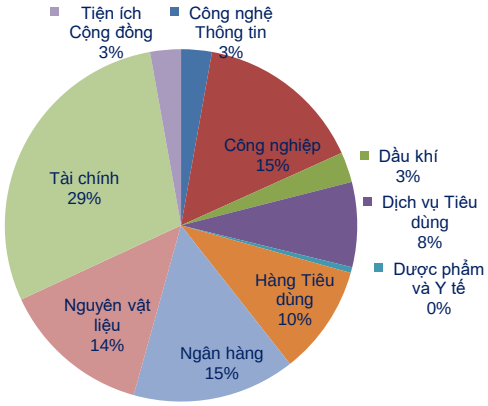

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

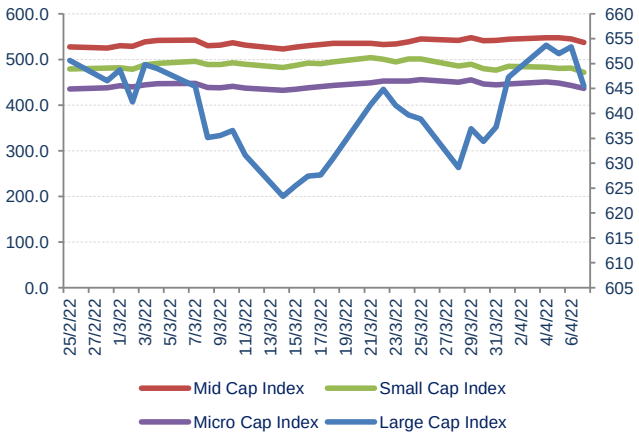

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

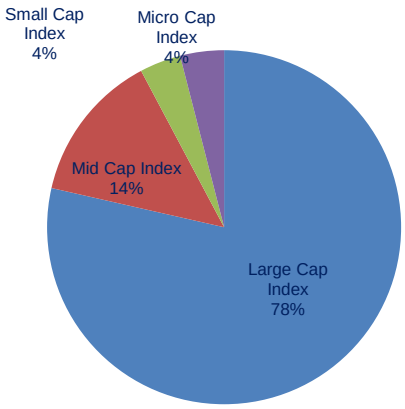

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ — Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ — Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TPB	757,800	E1VFVN30	2,264,800
2	NVL	691,600	STB	2,242,200
3	CII	689,500	PVD	1,978,800
4	HNG	572,300	HPG	1,815,200
5	HQC	523,700	VHM	1,165,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VPB	39.95	39.80	-0.38%	31,603,800
GEX	37.40	36.60	-2.14%	27,269,400
POW	16.40	16.65	1.52%	25,186,300
MBB	33.35	33.70	1.05%	24,107,500
VND	35.50	35.00	-1.41%	23,236,900

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNC	46.10	49.30	3.20	6.94%
TMT	21.10	22.55	1.45	6.87%
PET	59.60	63.70	4.10	6.88%
TSC	16.80	17.95	1.15	6.85%
BBC	71.00	75.80	4.80	6.76%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PLP	17.15	15.95	-1.20	-7.00%
IDI	28.60	26.60	-2.00	-6.99%
COM	67.20	62.50	-4.70	-6.99%
TIP	53.70	49.95	-3.75	-6.98%
DGW	147.50	137.20	-10.30	-6.98%

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	92,300	PVS	239,600
2	TA9	40,000	TNG	139,300
3	SHS	27,500	NVB	112,000
4	PVI	20,000	APS	28,100
5	MBG	17,000	CTC	19,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
IDC	72.00	72.10	0.14%	9,453,086
PVS	34.50	34.80	0.87%	7,977,957
SHS	42.20	40.50	-4.03%	6,259,204
CEO	61.90	58.70	-5.17%	5,463,731
TNG	39.50	39.00	-1.27%	4,437,501

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSD	10.00	11.00	1.00	10.00%
POT	25.10	27.60	2.50	9.96%
HHC	76.50	84.10	7.60	9.93%
KDM	27.70	30.40	2.70	9.75%
LCD	23.60	25.90	2.30	9.75%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VXB	39.00	35.10	-3.90	-10.00%
KTT	12.00	10.80	-1.20	-10.00%
MHL	9.00	8.10	-0.90	-10.00%
THS	29.40	26.50	-2.90	-9.86%
ALT	21.30	19.20	-2.10	-9.86%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

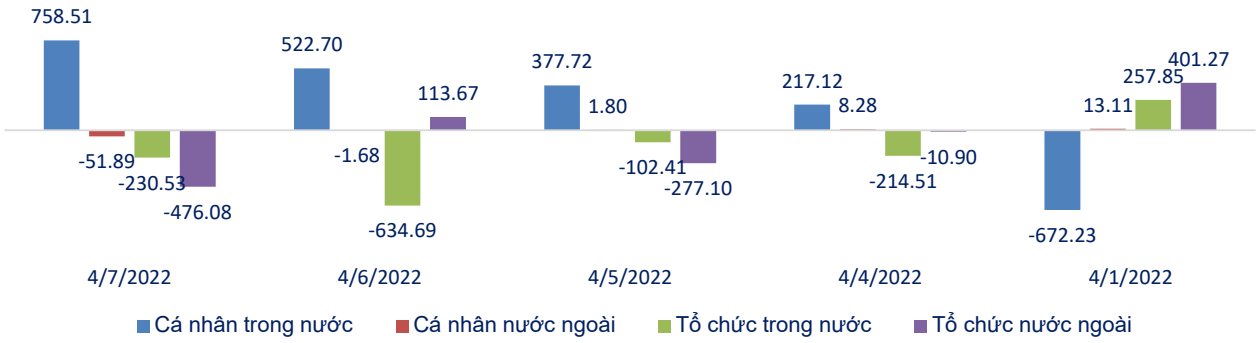

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	123.48	35.2%	8,991	8.5	2.5
VPB	106.70	16.9%	2,642	15.1	2.1
VIC	80.21	-1.7%	(650)	-	1.9
STB	70.22	10.8%	1,855	17.4	1.8
PVD	65.43	0.1%	46	730.0	1.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	-71.20	10.3%	1,939	22.3	1.9
BCG	-37.05	10.8%	2,132	12.4	1.0
NVL	-36.17	8.8%	1,692	51.0	4.0
MWG	-29.79	27.3%	6,889	23.1	5.7
DPM	-27.90	32.9%	7,965	7.8	2.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	9.45	23.6%	3,664	28.1	6.0
PVD	5.84	0.1%	46	730.0	1.0
VHM	2.12	35.2%	8,991	8.5	2.5
GEX	1.78	7.2%	1,483	25.2	1.6
VNM	1.48	30.3%	5,042	15.7	4.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PLP	-9.78	19.2%	2,590	6.6	1.1
SSI	-9.41	13.0%	1,350	33.0	3.2
BID	-7.86	12.7%	2,084	20.9	2.5
EVE	-6.95	6.3%	1,543	14.2	0.9
TPB	-5.39	22.6%	3,207	12.8	1.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFVN30	61.27	N/A	N/A	N/A	N/A
DXG	60.25	10.3%	1,939	22.3	1.9
BCG	41.14	10.8%	2,132	12.4	1.0
GEX	30.24	7.2%	1,483	25.2	1.6
BID	30.09	12.7%	2,084	20.9	2.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-105.02	16.9%	2,642	15.1	2.1
MBB	-60.19	22.6%	3,361	9.9	2.0
FPT	-47.11	21.7%	4,787	23.6	4.8
TCB	-44.22	21.5%	5,148	9.7	2.0
VIC	-36.40	-1.7%	(650)	-	1.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	58.55	8.8%	1,692	51.0	4.0
TPB	36.37	22.6%	3,207	12.8	1.9
DPM	28.75	32.9%	7,965	7.8	2.3
CII	21.95	-4.1%	(1,389)	-	0.9
PET	21.54	14.7%	3,073	19.4	2.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-89.85	35.2%	8,991	8.5	2.5
HPG	-81.18	46.0%	7,708	6.1	2.3
PVD	-72.00	0.1%	46	730.0	1.0
STB	-67.46	10.8%	1,855	17.4	1.8
E1VFVN30	-59.07	N/A	N/A	N/A	N/A

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	31,603,800	16.9%	2,642	15.1	2.1
GEX	27,269,400	3250.0%	1,483	25.2	1.6
POW	25,186,300	5.8%	768	21.4	1.2
MBB	24,107,500	22.6%	3,361	9.9	2.0
VND	23,236,900	19.6%	912	38.9	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	9,453,086	9.6%	1,514	47.5	4.6
PVS	7,977,957	4.7%	1,258	27.4	1.3
SHS	6,259,204	30.1%	5,707	7.4	2.1
CEO	5,463,731	2.7%	362	171.0	4.5
TNG	4,437,501	17.8%	2,719	14.5	2.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TNC	6.9%	11.5%	2,040	22.6	2.7
TMT	6.9%	9.4%	1,122	18.8	1.7
PET	6.9%	14.7%	3,073	19.4	2.9
TSC	6.8%	6.0%	771	21.8	1.3
BBC	6.8%	2.0%	1,319	53.8	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSD	10.0%	17.3%	1,598	6.3	1.0
POT	10.0%	4.0%	682	36.8	1.5
HHC	9.9%	10.8%	3,183	24.0	2.8
KDM	9.7%	0.1%	6	4,689.7	2.5
LCD	9.7%	5.7%	1,185	19.9	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	757,800	22.6%	3,207	12.8	1.9
NVL	691,600	8.8%	1,692	51.0	4.0
CII	689,500	-4.1%	(1,389)	-	0.9
HNG	572,300	-15.3%	(1,010)	-	1.4
HQC	523,700	0.1%	9	905.0	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	92,300	9.6%	1,514	47.5	4.6
TA9	40,000	12.9%	1,579	10.2	1.3
SHS	27,500	30.1%	5,707	7.4	2.1
PVI	20,000	11.2%	3,722	15.2	1.8
MBG	17,000	10.6%	1,134	12.5	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	400,371	21.6%	4,632	18.3	3.7
VHM	332,238	35.2%	8,991	8.5	2.5
VIC	307,022	-1.7%	(650)	-	1.9
BID	220,046	12.7%	2,084	20.9	2.5
GAS	217,616	17.1%	4,531	25.1	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	58,905	21.8%	2,805	60.0	9.3
KSF	32,370	9.0%	1,373	78.6	5.4
NVB	21,715	0.0%	3	12,249.3	3.6
IDC	21,600	9.6%	1,514	47.5	4.6
VCS	18,720	40.6%	11,096	10.5	3.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
NBB	4.33	17.5%	3,842	8.1	1.7
DRH	4.33	1.6%	218	92.8	1.5
DIG	4.27	15.8%	2,279	38.2	5.7
SGR	4.16	4.8%	580	50.0	2.5
NHA	4.14	0.8%	77	743.0	5.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.68	7.0%	343	31.8	2.2
CEO	2.97	2.7%	362	171.0	4.5
VC7	2.97	2.6%	354	64.7	2.1
L14	2.79	39.0%	8,000	39.7	11.3
L18	2.64	7.1%	935	59.3	3.9

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiển
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn